

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS - ST
Ngày: 17 – 4 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Thẩm phán: Ông Mai Văn Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Thắng.

Bà Lý Ngọc Lan.

Bà Nguyễn Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 18/3/1977, tại tỉnh Tiền Giang; Số định danh: 082077013661.

- Nơi cư trú: Số I, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Con ông Nguyễn Công M và bà Nguyễn Thị T1; Vợ là Nguyễn Thị Minh T2 (Đã ly hôn) và có 02 con.

- Đặc điểm nhân thân của bị cáo:

Từ nhỏ đi học, học đến hết lớp 12 tại Trường Trung học cơ sở S huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Năm 1995, thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang, Năm 1997, xuất ngũ về sống cùng gia đình.

Năm 1999 đến năm 2016, T làm thuê cho các công ty thủy sản tại Tiền Giang.

Năm 2016, thành lập Công ty TNHH T10, địa chỉ: Số F H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho đến ngày phạm tội.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Võ Thị Ngọc H – Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

* **Bị hại:**

1. Công ty Cổ phần Đ2.

Địa chỉ: A, quốc lộ F, ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: E1-14, đường số H, KDC N, phường H, quận C, Thành phố Cần Thơ.

2. Công ty Cổ phần F.

Địa chỉ: B Hậu Giang, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Minh H1**, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số A đường C, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: **Triệu Thị Ngọc G**, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số F, đường P, phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Duy T3, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Xóm F, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị Ngọc Đ1, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Phạm Thị Ngọc T4, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Bùi Thị N, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số F H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T10, địa chỉ: số F H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang được thành lập và đăng ký lần đầu vào ngày 02/02/2016, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 13/6/2018, do Nguyễn Ngọc T là người đại diện theo pháp luật, đã không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký từ ngày 06/3/2020.

Khoảng đầu tháng 11 năm 2022, bà Vũ Thị T5 là cổ đông của Công ty cổ phần Đ2, địa chỉ: A Quốc lộ F, ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An do ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện pháp luật có nhu cầu thu mua sầu riêng số lượng lớn để xuất khẩu nên gặp Nguyễn Ngọc T Thái để tìm hiểu hợp tác kinh doanh thu mua sầu riêng. Để tạo lòng tin, T đã đưa bà T5 đến vừa thu mua sầu riêng xuất khẩu “Minh P” và “Hong D” trên địa bàn xã T, huyện C để xem hàng mẫu sầu riêng xuất khẩu và giới thiệu 02 vừa sầu riêng này đang hợp tác thu mua sầu riêng xuất khẩu của T nhưng thực chất T không có giao dịch, hợp đồng mua bán liên quan gì với 02 chủ vừa nêu trên. Để cho ông Đ tin tưởng, T tiếp tục thuê người làm Hợp đồng ủy quyền số 01/2022/HĐUQ giữa Công ty D, tỉnh Đồng Nai (Công ty không có thật) và Công ty TNHH T10 (lúc này công ty không còn hoạt động), với nội dung ủy quyền: sử dụng mã số vùng trồng sầu riêng, sản lượng 600 tấn sầu riêng, chụp ảnh Hợp đồng ủy quyền trên cho ông Đ xem. Tin tưởng T, ông Đ thỏa thuận mua số lượng 5 container sầu riêng, sau 4-5 ngày ký hợp đồng sẽ chuyển giao chuyển hàng đầu tiên, T nhận tiền đặt cọc trước 20% tổng giá trị hàng sầu riêng xuất khẩu. Ngày 04/11/2022, T có lập hợp đồng nguyên tắc số 111022/HĐNTVL, ký sẵn và đóng dấu Công ty TNHH T10 vào Bên A, còn Bên B là Công ty Cổ phần Đ2, đại diện Nguyễn Văn Đ rồi gửi bản scan qua cho ông Đ xem.

Ngày 09/11/2022, bà T5 chuyển khoản vào tài khoản số 07006147301 của Nguyễn Ngọc T, mở tại Ngân hàng S1 số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 15/11/2022, ông Đ chuyển tiền tiếp cho T vào số tài khoản 07006147301 số tiền là 499.999.999 đồng, tổng cộng là 519.999.999 đồng (Năm trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Sau khi nhận được tiền đặt cọc của ông Đ, thì khoảng 2 đến 3 ngày sau Thái tắt điện thoại, khóa kết bạn với ông Đ, không tiến hành giao sầu riêng cho ông Đ, chiếm đoạt số tiền 519.999.999 đồng tiêu xài cá nhân.

Đối với bản Hợp đồng ủy quyền số 01/2022/HĐUQ giữa Công ty D, tỉnh Đồng Nai và Công ty T10, khi thuê người làm Hợp đồng và nhận được hợp đồng bằng file điện tử thì T đã in ra, ký tên, đóng dấu của Công ty TNHH T10 vào đại diện Bên B rồi chụp ảnh hợp đồng gửi cho ông Đ xem, sau đó T đã để thất lạc hợp đồng này, không thu giữ được bản chính.

* Ngoài ra, với thủ đoạn gian dối nêu trên, từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023, T còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 (hai) vụ trên địa bàn thành phố M, tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 10/9/2022, ông Nguyễn Minh H1, Giám đốc Công ty Cổ phần F, địa chỉ: B Bis H, Phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh gọi điện thoại liên lạc với T để trao đổi mua ớt khô, số lượng 06 tấn. Lúc này, tuy T không có nguồn ớt như yêu cầu của ông H1, nhưng để chiếm đoạt tiền đặt cọc

của ông H1, ngày 14/9/2022, T tạo vỏ bọc là mình có cơ sở thu mua ớt tươi và có khả năng cung cấp 06 tấn hàng ớt khô theo yêu cầu, T đã đưa ông H1 đến cơ sở thu mua ớt của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giới thiệu đây là cơ sở thu mua ớt tươi của T. Ông H1 tin tưởng nên đặt cọc số tiền 84.600.000 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vào ngày 16/9/2022, mặc dù Công ty T10 không còn hoạt động nhưng để tạo lòng tin, T kêu ông H1 đến cơ sở thu mua ớt của bà Đ1 để ký hợp đồng (thực chất T không có giao dịch, hợp đồng mua bán liên quan gì với cơ sở của bà Đ1). Tại đây, T và ông H1 ký Hợp đồng mua bán ớt, thỏa thuận T sẽ giao 06 tấn ớt khô với giá 47.000 đồng/kg, sau 10 ngày kể từ ngày nhận tiền đặt cọc. Đến ngày 22/9/2022, ông H1 đã chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của Công ty TNHH T10, số tài khoản 070060946866 tại Ngân hàng S1- Chi nhánh Tiền Giang, với số tiền 84.600.000 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) để đặt cọc tiền mua ớt khô theo thỏa thuận. Đến hạn giao hàng, ông H1 điện thoại nhiều lần cho T yêu cầu giao hàng, T không thực hiện, chặn số điện thoại của ông H1 để chiếm đoạt số tiền đặt cọc tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Khoảng đầu tháng 4 năm 2023, ông Nguyễn Duy T3, sinh năm 1985, cư trú: xóm F, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An có gọi điện thoại cho T để trao đổi việc mua bán thanh long và một số mặt hàng khác. Biết được ông T3 có nhu cầu mua 18 (Mười tám) tấn thanh long ruột đỏ nên T nảy sinh ý định gian dối bằng việc giả danh là con rể của cơ sở thu mua thanh long B (gọi tắt là cơ sở B), địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (do trước đây T có làm việc nhiều lần với cơ sở B nên biết được chủ cơ sở B có 02 người rể, trong đó có 01 người tên T4 nên T giả là người tên T4 để tạo lòng tin với ông Nguyễn Duy T3), để ký hợp đồng mua bán. Ngày 09/4/2023, T hẹn gặp ông T3 tại quán C thuộc địa bàn xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang để trao đổi việc mua bán thanh long. Thái giới thiệu mình là con rể thứ 2 của cơ sở B để thỏa thuận cung ứng 18 tấn thanh long ruột đỏ quy cách đóng thành thùng, trị giá là 622.500.000 đồng (Sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), giao hàng tại cơ sở B. Thái thỏa thuận với ông T3 vào ngày 10/4/2023 sẽ ký hợp đồng mua bán, ông T3 sẽ đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 10/4/2023, T đem theo hợp đồng đã soạn sẵn đến quán cà phê H3 gặp ông T3 ký hợp đồng. Thái viết giấy nhận đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận được số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng của ông T3 thì T bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện sự việc T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

* Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Ngọc T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã nộp khắc phục số tiền 84.600.000 đồng của ông Nguyễn Minh H1, ông H1 có đơn xin bãi nại. Bị cáo là bộ đội phục viên, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự từ năm 1995 đến năm 1997 tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên.

** Trong quá trình điều tra, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng và tài liệu liên quan chứng minh hành vi phạm tội:*

Thu giữ tại biên bản sự việc ngày 10/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M, gồm:

- Tiền Việt Nam: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), gồm: 66 tờ mệnh giá 500.000, 68 tờ mệnh giá 200.000, 21 tờ mệnh giá 100.000, 26 tờ mệnh giá 50.000;

- 01 (một) Hợp đồng mua bán số 01/2023 VL-TRUNG ngày 10/4/2023, bên bán: Công ty TNHH T10. Bên mua: ông Nguyễn Duy T3 (bản chính);

- 01 (một) Giấy xác nhận (nhận cọc chót giá) ngày 10/4/2023 số tiền 50.000.000 đồng, người ký xác nhận Nguyễn Ngọc T (bản chính);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro, màu xanh, số máy: NGK93LL/A, số sê-ri: DNPDTVW10D87, có 01 sim mạng Viettel ghi dãy số: 8984048000387655221;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra, màu xanh đen, số sê-ri: R5CTB0AKD4H, máy có 02, mạng Viettel, 01 sim ghi dãy số: 8984048000079184282 và 01 sim ghi dãy số 8984048000337442349;

- 01 (một) con dấu tròn bằng nhựa, màu đỏ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10;

- 01 (một) con dấu tên bằng nhựa, màu đỏ tên Nguyễn Ngọc T;

- 01 (một) ủy nhiệm chi ngày 22/9/2022 của Công ty TNHH T10 tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh Tiền Giang (bản chính).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH MODE, biển số: 63B2-832.27 do Nguyễn Thị Diễm M1 đứng tên (không kiểm tra thật giả);

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 63 002338, nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, biển số: 63B2-832.27 do Nguyễn Thị Diễm M1, địa chỉ: số 1 khu phố A, Phường E, thị xã C, Tiền Giang đứng tên.

** Tại Kết luận giám định số 897/KL- KTHS(Đ2), ngày 18/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, kết luận:*

“1. Số khung, số máy:

- Số khung: RLHJF5110FY013588 trước và sau giám định không đổi.

- Số máy: JF51E0223427 trước và sau giám định không đổi.

2. Biển số: Biển số cần giám định 63B2-832.27 ký hiệu A2 so với biển số mẫu so sánh 63B2-835.42, 63B2-866.42, 63B2-839.12 ký hiệu M1 đến M3 không được dập ra từ cùng khuôn dập.

3. Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy:

- Phôi in giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số: 63 002338, tên chủ xe: Nguyễn Thị Diễm M1, địa chỉ: 9 KP A-Phường N Cai L TG, nhãn

hiệu: HONDA, số loại: SH MODE, số máy: JF51E0223427, số khung: RLHJF6110FY013588, màu sơn: Xám- Đen, biển số đăng ký: 63B2-832.27, cấp ngày 26/03/2021 (ký hiệu A1) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung: CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG- CÔNG AN HUYỆN C” trên “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số: 63 002338 (ký hiệu A) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Thượng tá Phạm Văn H4- P. Trưởng CA huyện C trên “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số: 63 002338 (ký hiệu A1) so với chữ ký mang tên Thượng tá Phạm Văn H4- Phó Trưởng Công an huyện C lưu tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra” .

** Xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu:*

- Trả lại cho ông Nguyễn Duy T3, sinh ngày 18/8/1985, cư trú: xóm G, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An: Tiền Việt Nam 50.000.000 đồng.

- Trả lại cho ông Huỳnh Văn T7, sinh ngày 19/7/1977, cư trú: số A Khóm E, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH MODE, số khung: RLHJF5110FY013588, số máy: JF51E0223427.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Ngày 20/4/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ1 là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Minh H1, Giám đốc Công ty Cổ phần F, đã nhận đủ số tiền đặt cọc mà Nguyễn Ngọc T chiếm đoạt 84.600.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) và đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Ngày 14/4/2023, ông Nguyễn Duy T3 đã nhận đủ 50 triệu đồng, hiện không yêu cầu gì thêm.

- Đối với số tiền chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Đ là 519.999.999 đồng, Nguyễn Ngọc T chưa khắc phục.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSTG-P2 ngày 21 tháng 04 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố đối với bị cáo và có ý kiến xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa có ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 50; điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc bị cáo bồi hoàn số tiền chiếm đoạt cho bị hại và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến thống nhất về tội danh, tình tiết tăng nặng định khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Luật sư phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vắng mặt. Xét quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai đầy đủ, rõ ràng và sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại và các đương sự.

[1.2] Xét các quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, truy tố và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định: Thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023, bằng thủ đoạn gian dối qua hình thức mua bán nông sản, bị cáo T chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 654.599.999 đồng. Vì thế, Cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Nhận thấy, về ý thức chủ quan bị cáo nhận thức được rằng, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Thế nhưng, chỉ vì tham lam mà bị cáo đã nhiều lần cố thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tiền của các bị hại để tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị

cáo đã xâm phạm đến tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nên xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe, phòng chống tội phạm chung cho xã hội.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; quá trình điều tra đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, luận tội của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của luật sư bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

- Bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Trong giai đoạn điều tra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho Công ty Cổ phần F số tiền 84.600.000 đồng xong và Cơ quan điều tra trả lại cho ông Nguyễn Duy T3 số tiền 50.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu khác thì Công ty Cổ phần F và ông Nguyễn Duy T3 được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- Đối với Công ty cổ phần Đ2, trong giai đoạn điều tra, ông Nguyễn Văn Đ – người đại diện theo pháp luật yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 519.999.999 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T có ý kiến chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông Đ nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Bị cáo thừa nhận sử dụng điện thoại hiệu S2, con dấu tên Nguyễn Ngọc T và dấu Công ty T10 làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước và tiêu hủy. Biển số xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe là giả nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với điện thoại hiệu Iphone là tài sản không liên quan vụ án nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 12 (Mười hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 357 Bộ luật Dân sự .

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 519.999.999 đồng (Năm trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, số imei: 353748/82/240869/3, máy đã qua sử dụng không kiểm tra bên trong máy điện thoại, không mở được mật khẩu, máy có 02, mạng Viettel (01 sim ghi dây số: 8984048000079184282 và 01 sim ghi dây số H), không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong sim.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dấu tròn bằng nhựa, màu đỏ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T10;

+ 01 (một) con dấu tên bằng nhựa, màu đỏ tên Nguyễn Ngọc T;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 63 002338, nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, biển số: 63B2-832.27 do Nguyễn Thị Diễm M1, địa chỉ: số I khu phố A, Phường E, C, Tiền Giang đứng tên.

+ 01 (một) biển số: 63B2-832.27 (không kiểm tra thật giả).

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu xanh, không xác định được imei do máy không mở được mật khẩu, máy đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong máy điện thoại; có 01 sim mạng Viettel ghi dây số: 8984048000387655221, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong sim,

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 26.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CA tỉnh TG;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn